



Norgren

Thiết bị khí nén của IMI Precision Engineering: bộ lọc, điều áp, tra dầu (FRL), van điện từ, van tay, xy lanh và đầu nối PNEUFIT.



IMI Norgren

1927

Carl Norgren phát thảo bộ tra dầu khí nén đầu tiên trên thế giới

IMI

thuộc tập đoàn IMI plc (Anh) từ 1972; mảng IMI Precision Engineering từ 2015

FRL

lọc, điều áp, tra dầu: các dòng Excelon Plus, 07, 64, 72, 74

Norgren bắt đầu từ căn bếp của Carl Norgren ở Denver (Mỹ); năm 1972 công ty về tập đoàn IMI plc và nay thuộc **IMI Precision Engineering**. Khí nén vào máy cần qua **lọc** → **điều áp** → **tra dầu**, rồi tới van điều khiển xy lanh; Norgren có đủ các khâu này cùng đầu nối, van chức năng, công tắc áp suất. Tài liệu này tóm tắt các nhóm sản phẩm Norgren trên chanhvinh.com. Bấm vào tên hoặc ảnh từng nhóm để mở đúng nhóm sản phẩm trên chanhvinh.com.

Nhóm sản phẩm chính



Bộ lọc khí nén >

Tách bụi, nước, dầu khỏi khí nén; xả tay hoặc xả tự động.

Dòng tiêu biểu: F07, F64G, F64H; Excelon Plus F82V

Thông số chính:

- G 1/4, G 3/8
- cấp lọc 5 µm, 40 µm, lọc tinh 0,01 µm

Mã ví dụ:



F07-200-M3TG



F64H-NND-AD0



F64G-NNN-AD3

[Xem tất cả >](#)



Van điều áp >

Giữ áp suất khí đầu ra ổn định cho máy và cụm thiết bị.

Dòng tiêu biểu: R07, R24, R72G, 11-818

Thông số chính:

- G 1/4
- dải chỉnh 0,3–7 bar, 0,3–10 bar, 0,07–4 bar

Mã ví dụ:



R07-200-RNKG



11-818-999



11-818-100

[Xem tất cả >](#)





Bộ FR, FRL lắp sẵn >

Lọc + điều áp (+ tra dầu) ghép sẵn thành một cụm.

Dòng tiêu biểu: FR: B07, B64G, B74G, Excelon 72; FRL: BL64, BL74, FRL64

Thông số chính:

- G 1/4 tới G 3/4
- lọc 40 µm
- xả tự động (BL64, BL74)

Mã ví dụ:



BL64-401

BL74-401G

BL64-301

[Xem tất cả >](#)



Bộ tra dầu >

Đưa sương dầu bôi trơn cho van, xy lanh.

Dòng tiêu biểu: L72C, L74M, L68M; Excelon Plus L82M

Thông số chính:

- G 1/4 (24 L/s), G 1/2 (70 L/s), G 3/4-G 1 (200 L/s)

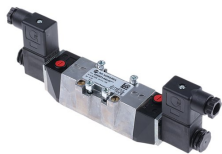
Mã ví dụ:

L72C-2GP-ETN

BL74-401G

BL64-401

[Xem tất cả >](#)



Van điện từ >

Van 5/2, 3/2 điều khiển xy lanh; có cuộn coil thay thế.

Dòng tiêu biểu: SXE (5/2 điện từ – điện từ, điện từ – lò xo); VP50 (3/2); coil V10626, V10025

Thông số chính:

- SXE cuộn 24 VDC
- VP50 cổng G 1/4
- coil 220/240 VAC

Mã ví dụ:



SXE9573-A81-0
0/24V=

VP5010BJ411H00

SXE0573-A60-00/24V=

[Xem tất cả >](#)



Van tay, van bàn đạp >

Van 3/2 nút dừng khẩn cấp, bàn đạp, nút nhấn, cần gạt.

Dòng tiêu biểu: Dòng 03: 03042802, 03048102, 03036602, 03040302; S/666

Thông số chính:

- Van 3/2 điều khiển bằng tay hoặc chân

Mã ví dụ:



03048102



03036602

03042802

[Xem tất cả >](#)



Xy lanh khí nén >

Xy lanh Roundline thân tròn, xy lanh compact, ISO; kèm phụ kiện gá, bộ phốt.

Dòng tiêu biểu: Roundline RM/8000/M, RT/57200/M; Compact RM/92000/M, RA/192000/M; RA/802000, PRA/882000; chạc đuôi QA/8032/23

Thông số chính:

- Ø16–80 mm
- hành trình 10–500 mm
- tác động kép

Mã ví dụ:



M/50/EAP/2V



QA/8032/23

RM/8025/M/40

[Xem tất cả >](#)



Đầu nối PNEUFIT >

Đầu nối khí cắm nhanh: thẳng, co, tê, nối ống – ống, xuyên vách.

Dòng tiêu biểu: PNEUFIT 10: 101250618, 102470628, 100600600, 100290400

Thông số chính:

- Ren R 1/8, R 1/4, G 1/4, M10
- ống 4–12 mm
- đồng thau, 18 bar

Mã ví dụ:



101250628



102250628

102470628

[Xem tất cả >](#)



Tiết lưu, một chiều, xả nhanh >

Van chức năng chỉnh tốc độ xy lanh, chặn chiều, xả nhanh, giảm thanh.

Dòng tiêu biểu: Tiết lưu T1000; một chiều T55, S/520; xả nhanh T70; giảm thanh M/S, T20

Thông số chính:

- M5, G 1/8, G 1/4, G 1/2
- T55 0,1–10 bar

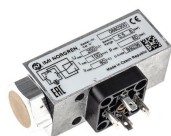
Mã ví dụ:

VP5010BJ411H00

03042802

03048102

[Xem tất cả >](#)



Công tắc áp suất >

Báo tín hiệu điện khi áp suất khí, dầu đạt ngưỡng cài đặt.

Dòng tiêu biểu: 0880100, 0880200, 0880300, 0882300; 04015600

Thông số chính:

- Chân không –1–0 bar
- 0,2–2, 0,5–8, 0–10 bar
- 25–250 bar
- G 1/8, G 1/4

Mã ví dụ:



0882300



0883300

0880300

[Xem tất cả >](#)

Xử lý khí nén: lọc, điều áp, tra dầu

Thiết bị	Tác dụng	Ví dụ trên Chanh Vinh
Bộ lọc (F)	Tách bụi, nước, dầu khỏi khí nén	F07-200-M3TG: 5 µm, G 1/4, xả tay; F64H: G 3/8, xả tự động; F82V Excelon Plus: lọc tinh 0,01 µm
Van điều áp (R)	Giữ áp suất đầu ra ổn định	R07-200-RNKG: G 1/4, 0,3–7 bar; R24-200-RNLG: 0,7–8 bar
Bộ tra dầu (L)	Đưa sương dầu bôi trơn cho van, xy lanh	L72C: G 1/4, 24 L/s; L74M: G 1/2, 70 L/s
Bộ lắp sẵn FR / FRL	Lọc + điều áp (+ tra dầu) ghép sẵn	B07-201-M3KG: FR G 1/4, 40 µm; BL64-401: FRL G 1/2, xả tự động

Van điện từ và van tay

Dòng	Loại	Ví dụ
SXE	Van 5/2 điện từ	SXE0573-A60-00/24V= (điện từ – điện từ), SXE9573-A81-00/24V= (điện từ – lò xo)
VP50	Van 3/2 điều khiển khí – lò xo, G 1/4	VP5010BJ411H00
Dòng 03 (van tay)	Van 3/2 nút dừng khẩn cấp, bàn đạp, nút nhấn	03042802 (dừng khẩn cấp), 03048102 (bàn đạp), 03036602 (nút nhấn)

Mã tiêu biểu

 F07-200-A3TG Bộ lọc khí nén	 R72G-2GK-RMN Van điều áp	 BL74-428G Bộ FR, FRL lắp sẵn	 L74M-4GP-QPN Bộ tra dầu
 SXP0573-180-00B Van điện từ	 NORGREN-03040302-72425 Van tay, van bàn đạp	 RM/8025/M/25 Xy lanh khí nén	 NORGREN-100600600 Đầu nối PNEUFIT
 1002/BR000 Tiết lưu, một chiều, xả nhanh	 NORGREN-0880100-366396 Công tắc áp suất	 F74G-6GN-QP3 Bộ lọc khí nén	 T1000C1800 Van điều áp

Cách tra mã và đặt hàng

- Đọc mã trên nhãn thiết bị** (vd F07-200-M3TG, SXE0573-A60-00/24V=): phần cuối mã thường thể hiện cỡ ren, kiểu xả, điện áp cuộn.
- Gõ mã vào ô tìm kiếm** trên chanhvinh.com; cũng tìm được theo loại và cỡ ren (Regulator G 1/4, PNEUFIT 6 mm).
- Chuẩn bị thông số**: cỡ ren, lưu lượng, dải áp, cấp lọc; van: số cổng/vị trí, điện áp cuộn; xy lanh: đường kính, hành trình, kiểu gá.
- Gửi yêu cầu báo giá** kèm số lượng qua CV@chanhvinh.com; thay hàng cũ thì gửi kèm ảnh nhãn.

Hàng chính hãng, xuất hóa đơn VAT đầy đủ; gửi ảnh, mã cũ qua CV@chanhvinh.com nếu cần tra mã tương đương.

Chanh Vinh hỗ trợ

- ✓ Tra mã theo ảnh, số đo, mã cũ
- ✓ Tra mã tương đương, mã thay thế khi mã cũ ngừng sản xuất
- ✓ Báo giá theo số lượng
- ✓ Thông số, tài liệu kỹ thuật trên từng trang sản phẩm

Xem trực tuyến



Toàn bộ sản phẩm Norgren >

Bấm vào chữ hoặc quét mã bằng điện thoại.



Bài hướng dẫn chọn mã >

